TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06**/2018/DS-ST
Ngày: 30/3/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Minh Thuận

2/ Ông Huỳnh Quốc Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2017/TLST-DS ngày 15/12/2017 về tranh hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-DS ngày 13/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần SG TT

Địa chỉ: Số 266-268 N, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đại P, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/11/2017)

2. Bị đơn:

- Ông Lê Trường T, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Trịnh Thị Ngọc Tr, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Trịnh Thị Ngọc Tr là ông Lê Trường T. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/3/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 15/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SG TT(sau đây gọi là Ngân hàng) yêu cầu ông Lê Trường T và bà Trịnh Thị Ngọc Tr trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn vay 48.008.000 đồng và lãi tính đến ngày 30/3/2018 là 5.953.714 đồng (trong đó lãi trong hạn là 4.751.348 đồng, lãi quá hạn là 1.202.366 đồng), tổng cộng 53.961.714 đồng, vì vào ngày 16/4/2015 ông T, bà T có ký kết hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1510600186 với Ngân hàng vay số tiền 80.000.000

đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất 03 tháng đầu 1%/tháng. Lãi suất chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau (nếu có), lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ (theo mẫu của Ngân hàng). Từ tháng thứ 4 trở đi cho đến hết năm thứ 02 từ ngày ký hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh cuối kỳ của Ngân hàng + 0,34%/tháng, kể từ năm thứ 03 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh cuối kỳ của Ngân hàng + 0,375%/tháng, được Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay. Mục đích vay tiêu dùng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông T và bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi hàng tháng, thanh toán vào ngày 17 dương lịch hàng tháng, bắt đầu trả từ tháng 5/2015 đến tháng 4/2020 là dứt nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà Tr đã nhận đủ số tiền và có trả cho Ngân hàng được 24 kỳ với số tiền 47.616.046 đồng (trong đó vốn 31.992.000 đồng và lãi 15.624.046 đồng). Từ ngày xác lập hợp đồng đến nay, mặc dù lãi suất theo quy định được điều chỉnh tăng, tuy nhiên Ngân hàng vẫn tạo điều kiện ưu đãi cho ông T, bà Tr được trả với mức mức lãi suất 1%, không tăng lãi suất. Tính đến ngày 30/3/2018 ông T, bà Tr còn nợ vốn vay 48.008.000 đồng và lãi tính đến ngày 30/3/2018 là 5.953.714 đồng (trong đó lãi trong hạn là 4.751.348 đồng, lãi quá hạn là 1.202.366 đồng), tổng cộng 53.961.714 đồng. Để đảm bảo cho khoản nợ vay, ông T và bà Tr có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở số BK 594850 do UBND huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lê Trường T và bà Trịnh Thị Ngọc Tr ngày 09/10/2012, thửa đất số 94, tờ bản đồ số 42, diện tích 674,7m^2 (ONT=300m^2 + HNK = 374,7m^2), tọa lạc ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất LD 1510600186.1 ngày 16/4/2015 giữa Ngân hàng với ông T, bà Tr.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông T, bà Tr trả tiền vốn gốc và lãi, tổng cộng 53.961.714 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay. Trong trường hợp ông T, bà Tr không trả thì yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp nêu trên để Ngân hàng thu hồi nợ.

- Bị đơn ông Lê Trường T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trịnh Thị Ngọc Tr trình bày: Ông T thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng về số tiền vay, lãi suất, thời hạn, mục đích vay, số tiền đã trả, cũng như có thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên cho Ngân hàng để đảm bảo khoản nợ vay và thừa nhận hiện ông và bà Tr còn nợ Ngân hàng vốn vay 48.008.000 đồng và lãi tính đến ngày 30/3/2018 là 5.953.714 đồng (trong đó lãi trong hạn là 4.751.348 đồng, lãi quá hạn là 1.202.366 đồng), nhưng hiện nay hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng trả, yêu cầu ngân hàng cho ông và bà Tr được trả dần mỗi tháng là 1.500.000 đồng đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SG TT Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1510600186 ngày 16/4/2015 ký kết giữa ông Lê Trường T và bà Trịnh Thị Ngọc Tr với Ngân hàng để vay số tiền 80.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 03 tháng đầu 1%/tháng. Lãi suất chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau (nếu có), lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ (theo mẫu của Ngân hàng). Từ tháng thứ 4 trở đi cho đến hết năm thứ 02 từ ngày ký hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh cuối kỳ của Ngân hàng + 0,34%/tháng, kể từ năm thứ 03 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh cuối kỳ của Ngân hàng + 0,375%/tháng, được Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay. Mục đích vay tiêu dùng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông T và bà Tr có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi hàng tháng, thanh toán vào ngày 17 dương lịch hàng tháng, bắt đầu trả từ tháng 5/2015 đến tháng 4/2020 là dứt nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà Tr đã nhận đủ số tiền và có trả cho Ngân hàng được 24 kỳ đến tháng 4/2017 với số tiền 47.616.046 đồng (trong đó vốn 31.992.000 đồng và lãi 15.624.046 đồng), từ tháng 5/2017 đến nay ông T, bà Tr không tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng, Từ ngày xác lập hợp đồng đến nay, mặc dù lãi suất theo quy định được điều chỉnh tăng, tuy nhiên Ngân hàng vẫn tạo điều kiện ưu đãi cho ông T, bà Tr được trả với mức mức lãi suất 1%, không tăng lãi suất. Tính đến ngày 30/3/2018 ông T, bà Tr còn nợ lại vốn vay 48.008.000 đồng và lãi tính đến ngày 30/3/2018 là 5.953.714 đồng (trong đó lãi trong hạn là 4.751.348 đồng; lãi quá hạn là 1.202.366 đồng), tổng cộng 53.961.714 đồng, nên Ngân hàng kiện yêu cầu ông T, bà Tr trả lại số tiền nêu trên và lãi phát sinh cho đến khi ông T, bà Tr trả xong số nợ.

Xét thấy, việc ông T, bà Tr không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm Điều 1 phụ lục các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông T và bà Tr là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T thừa nhận vợ chồng ông có vay tiền của Ngân hàng 80.000.000 đồng, đã trả được 47.616.046 đồng, hiện còn nợ số tiền 53.961.714 đồng, có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đứng tên ông T, bà Tr đúng như người đại diện của nguyên đơn trình bày. Lời thừa nhận của bị đơn là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử xác định ông T, bà Tr có vay tiền của Ngân hàng, đã trả được tổng cộng 47.616.046 đồng, hiện còn nợ số tiền 53.961.714 đồng, nên Ngân hàng yêu cầu ông T, bà Tr trả số nợ nêu trên là phù hợp với quy định tại 95 Luật Các tổ chức

tín dụng. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông T, bà Tr có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi 53.961.714 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Để đảm bảo cho khoản nợ vay, ông Th và bà Tr có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở số BK 594850 do UBND huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lê Trường T và bà Trịnh Thị Ngọc Tr ngày 09/10/2012, thửa đất số 94, tờ bản đồ số 42, diện tích 674,7m^2 (ONT=300m^2 + HNK = 374,7m^2), tọa lạc ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất LD 1510600186.1 ngày 16/4/2015 giữa Ngân hàng với ông T, bà Tr. Xét thấy, về hình thức và nội dung Hợp đồng thế chấp, trình tự và thẩm quyền đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại các Điều 342, 343, 344, 715, 716, 717 và 719 của Bộ luật dân sự năm 2005, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, nên Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Trong Hợp đồng thế chấp có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Do đó, Ngân hàng yêu cầu nếu như ông T, bà Tr không tự nguyện trả nợ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ. Tuy nhiên, tại Tòa Hội đồng xét xử không đặt ra việc xử lý tài sản thế chấp ngay mà đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án thì ông T, bà Tr phải tự nguyện trả số tiền nợ nêu trên. Nếu không tự nguyện trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD 1510600186.1 ngày 16/4/2015) để thu hồi nợ cho Ngân hàng, theo quy định tại các Điều 355, 720 và 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí thẩm định: Ông Lê Trường T và bà Trịnh Thị Ngọc Tr cùng phải chịu chi phí thẩm định tài sản thế chấp là 600.000 đồng. Do Ngân hàng đã tạm nộp trước nên ông T, bà Tr có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng 600.000 đồng chi phí thẩm định tài sản thế chấp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Trường T và bà Trần Thị Ngọc Tr cùng phải chịu 2.698.085 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 342, 343, 344, 355, 715, 716, 717, 719, 720 và 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng SG TT. Buộc ông Lê Trường T và bà Trịnh Thị Ngọc Tr cùng trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay 48.008.000 đồng và lãi 5.953.714 đồng (trong đó lãi trong hạn là 4.751.348 đồng, lãi quá hạn là 1.202.366 đồng), tổng cộng 53.961.714 đồng (Năm mươi ba triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn bảy trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày 31/3/2018 nếu ông Lê Trường T và bà Trịnh Thị Ngọc Tr không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng, thì ông Lê Trường T và bà Trịnh Thị Ngọc Tr còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng, theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi Ngân hàng SG TT có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Lê Trường T và bà Trịnh Thị Ngọc Tr phải tự nguyện trả số tiền nêu trên. Nếu không tự nguyện thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở số BK 594850 do UBND huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lê Trường T và bà Trịnh Thị Ngọc T ngày 09/10/2012, thửa đất số 94, tờ bản đồ số 42, diện tích 674,7m^2 (ONT=300m^2 + HNK = 374,7m^2), tọa lạc ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất LD 1510600186.1 ngày 16/4/2015 giữa Ngân hàng với ông Lê Trường T và bà Trịnh Thị Ngọc Tr để Ngân hàng thu hồi nợ.

2/ Về chi phí thẩm định: Ông Lê Trường T và bà Trịnh Thị Ngọc Tr cùng phải chịu 600.000 đồng. Do Ngân hàng đã tạm nộp trước nên ông T, bà Tr có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) chi phí thẩm định tài sản thế chấp.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Trường T và bà Trịnh Thị Ngọc Tr cùng phải chịu 2.698.085 đồng (Hai triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn không trăm tám mươi lăm đồng). Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.288.090 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006548 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh